

**PHỤ LỤC SỐ 02****TỔNG HỢP KHU ĐẤT QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2021 - 2026***(Kèm theo Thông báo số 8955/TB-SXD ngày 06 /10/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk)*

| Stt      | Tên dự án/Vị trí QH                                                            | Thông tin            |                           |                                                                  | Hiện trạng sử dụng đất                        |                                  | Ghi chú                          |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
|          |                                                                                | Địa điểm             | Quy mô diện tích đất (ha) | Quyết định phê duyệt quy hoạch                                   | Đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tỷ lệ %) | Đã giải phóng mặt bằng (tỷ lệ %) |                                  |
| <b>A</b> | <b>NHÀ Ở XÃ HỘI</b>                                                            |                      |                           |                                                                  |                                               |                                  |                                  |
| <b>I</b> | <b>Về quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội (Dự án nhà ở xã hội độc lập)</b> |                      |                           |                                                                  |                                               |                                  |                                  |
| 1        | Khu đất ký hiệu DO CC-02, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột              | Phường Buôn Ma Thuột | 2,95                      | Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh (1/2000) | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 2        | Khu đất ký hiệu C1, C2, C3, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột             | Phường Tân An        | 12,79                     | Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh (1/2000)  | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 3        | Khu đất ký hiệu B4, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột                     | Phường Ea Tam        | 4,52                      | Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh(1/2000)  | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 4        | Khu đất ký hiệu OCC, thành phố Buôn Ma Thuột                                   | Phường Buôn Ma Thuột | 4,63                      | Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh (1/2000)  | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 5        | Khu đất ký hiệu C-C, thành phố Buôn Ma Thuột                                   | Phường Buôn Ma Thuột | 2,06                      | Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh (1/2000) | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 6        | Khu đất ký hiệu XHCC, thành phố Buôn Ma Thuột                                  | Phường Buôn Ma Thuột | 4,28                      | Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh (1/2000) | Chưa                                          | Chưa                             |                                  |
| 7        | Khu đất ký hiệu LK-8, TDC-1 và TDC-2, thành phố Tuy Hòa                        | Phường Phú Yên       | 3                         | Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh (1/500)  | 100%                                          | Chưa                             | Đang điều chỉnh QH; 100% Đất lúa |
| 8        | Khu đất ký hiệu N14, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu                             | Xã Xuân Cảnh         | 3.6                       | Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 01/7/2004 của UBND tỉnh(1/2000)  | 100%                                          | 70                               | Đang điều chỉnh QH               |

|    |                                                                                                                     |                  |       |                                                                                                                                                                                                   |      |      |                                                                                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | Khu đất ký hiệu B1 và phần đất liền kề, thành phố Tuy Hòa                                                           | Phường Bình Kiến | 1.96  | Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố Tuy Hòa (1/2000)                                                                                                                     | 100% | 100% | Đã trình UBND tỉnh phê duyệt thông tin ĐA                                          |
| 10 | Khu đất ký hiệu XH-1, thành phố Tuy Hòa (đã công bố tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023)                  | Phường Phú Yên   | 4.55  | Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (trước đây) - 1/500.                                                                                                 | Chưa | Chưa | - Bố trí cho BCH Quân sự tỉnh 1ha;<br>- Đang đề xuất CTĐT dự án hạ tầng và BT GPMB |
| 11 | Khu đất ký hiệu NOXH-01, NOXH-02, NOXH-03 (đã công bố tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023)                | Phường Phú Yên   | 16,08 | Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)- 1/2000                                                                                                                       | Chưa | Chưa | Đất lúa                                                                            |
| 12 | Khu đất ký hiệu XH, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa (đã công bố tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023)     | Phường Đông Hòa  | 2,17  | Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (trước đây) -                                                                                                    | Chưa | Chưa | Đất lúa                                                                            |
| 13 | Khu đất ký hiệu XH, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa (đã công bố tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023) | Phường Hòa Hiệp  | 1,36  | Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 27/2/2020 của UBND TX Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (trước đây)- 1/500                                                                                                    | Chưa | Chưa |                                                                                    |
| 14 | Nhà ở xã hội bờ tả Sông Ba                                                                                          | Phường Tuy Hòa   | 4     | Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 10/10/2018                                                                                                                                                        | 100% | 100% |                                                                                    |
| 15 | Nhà ở xã hội tại khu đất ký hiệu OXH-01, OXH-02, OXH-03, OXH-04                                                     | Xã Pong Drang    | 1,53  | Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư và dịch vụ Cụm Công nghiệp Buôn Hồ, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (1/500) | 100% | 90%  |                                                                                    |
| 16 | Nhà ở xã hội Krông Pắc                                                                                              | Xã Krông Pắc     | 1,0   | Quyết định số 2248/QĐ- UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh (QHC)                                                                                                                                    | 100% | 80%  |                                                                                    |

|           |                                                                                  |                |       |                                                                                                                                        |      |      |                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|-------------------------|
| 17        | Khu đất nhà ở xã hội tại Khu đô thị TDP 8 phường Tân An                          | Phường Tân An  | 1,45  | Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 13/02/2014, UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày            | 70%  | Chưa |                         |
| <b>II</b> | <b>Về quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội (Trong Dự án nhà ở thương mại)</b> |                |       |                                                                                                                                        |      |      |                         |
| 1         | Dự án Khu dân cư mới phía Tây Quốc lộ 1                                          | Phường Phú Yên | 53,3  | Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (trước đây) -                                           | Chưa | Chưa | Đất NOXH 4,36ha         |
| 2         | Dự án Khu dân cư nông thôn mới xã Hòa Thắng, thành phố BMT                       | Phường Tân Lập | 26,94 | Quyết định số 9173/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Buôn Ma Thuột (điều chỉnh tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 04/3/2025)- 1/500 | Chưa | Chưa | Đất NOXH 2,65ha         |
| 3         | Khu đô thị thương mại dịch vụ Ea Tam                                             | Phường Ea Tam  | 51,67 | Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk - 1/500                                                                | Chưa | Chưa | Đất NOXH 1,98ha         |
| 4         | Khu đô thị Tây Bắc I phường An Lạc                                               | Phường An lạc  | 30,26 | Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của UBND thị xã Buôn Hồ - 1/500                                                              | Chưa | Chưa | Đất NOXH 0,9ha          |
| 5         | Khu đô thị hồ Ea Tam                                                             | Phường Tự An   | 62,34 | Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk- 1/2000                                                                | Chưa | Chưa | Đất NOXH dự kiến 3,41ha |
| 6         | Khu dân cư trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột                     | Phường Tân Hòa | 27,8  | Quyết định số 7033/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk- 1/500                                              | Chưa | Chưa | Đất NOXH 2,01ha         |
| 7         | Khu dân cư đô thị Tây Bắc II, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ                      | Phường Buôn Hồ | 27    | Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của UBND thị xã Buôn Hồ Thuột, tỉnh Đắk Lắk- 1/500                                           | Chưa | Chưa | Đất NOXH 1,86ha         |
| <b>B</b>  | <b>NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN</b>                                     |                |       |                                                                                                                                        |      |      |                         |

|          |                                                                                                                          |                   |      |                                                                                                                                                                                   |      |      |                                            |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--------------------------------------------|
| 1        | Nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh (giai đoạn 1, dự kiến 800 căn) Phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột | Phường Thành Nhất | 3,69 | Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 16/9/2021                                                                      | 100% | Chưa |                                            |
| 2        | Khu đất phường Phú Yên (đất do BCH tỉnh quản lý)                                                                         | Phường Phú Yên    | 2,28 | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Phú Thạnh, Phú Đông, thành phố Tuy Hòa được UBND thành phố Tuy Hòa (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 | 100% | 100% |                                            |
| 3        | Khu đất tại phường Ea Kao (đất do BCH tỉnh quản lý)                                                                      | Phường Ea Kao     | 1,11 | Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày                    | 100% | 100% |                                            |
| <b>C</b> | <b>NHÀ LƯU TRÚ CÔNG NHÂN KHU CÔNG NGHIỆP</b>                                                                             |                   |      |                                                                                                                                                                                   |      |      |                                            |
| 1        | Khu đất ký hiệu O-13, CX-05, thị xã Đông Hòa (đã công bố tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023)                  | Phường Hòa Hiệp   | 3.62 | Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)- 1/2000                                                                                                     | Chưa | Chưa | Đang đề xuất CTĐT dự án hạ tầng và BT GPMB |